

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2016/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ: Tài chính-Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (tại Công văn số 176/HĐND ngày 25/8/2016);

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ Trình số 822/TTr-STC ngày 11/4/2016), ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 45/BC-STP ngày 04/4/2016).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên khi tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh quyết định giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các hoạt động sử dụng biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được phân loại thành các nhóm sau:

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu.

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện.

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển.

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ.

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đồ thảo bùn nạo vét.

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.

Điều 4. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Mức giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Điều 3 Quyết định này được quy định như sau:

a) Nhóm 1: Giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển là 3.000.000 đồng/ha/năm.

b) Nhóm 2: Giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển là 4.000.000 đồng/ha/năm.

c) Nhóm 3: Giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển là 5.000.000 đồng/ha/năm.

d) Nhóm 4: Giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển là 6.000.000 đồng/ha/năm.

đ) Nhóm 5: Tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với hoạt động đồ thải bùn nạo vét là 7.500.000 đồng/ha/năm. Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đồ thải bùn nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

e) Nhóm 6: Giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển là 3.000.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa có quy định mức thu cụ thể quy định tại khoản 1 Điều này hoặc trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển:

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế-xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại khoản 1 Điều này sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2016.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục

Thuế tỉnh và cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiên